

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HS-ST
Ngày 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quân;

Bà Lê Thị Thùy Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2018/TLST-HS ngày 08/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-HS ngày 09/11/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đăng N (tên gọi khác: N), sinh năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16B/139 P H Đ, phường N N, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: 1436 đường P R Đ, tổ 2, khu phố 4, phường T Đ, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1965; bị cáo có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2018 đến ngày 18/10/2018 được áp dụng biện pháp cho bản lĩnh đến nay.

Về nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp V T, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
2. Huỳnh Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
3. Phan Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp K N, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

4. Nguyễn Thị S, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp V T, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.
5. Lê Thị A, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.
6. Dương Ngọc T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố 2, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
7. Nguyễn Thị K, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố 1, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
8. Quách Thị Mai A, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố 7, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
9. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
10. Lê Thị Kim L, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
11. Đồng Thị P, sinh năm 1959; HKTT: Ấp 2, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt
12. Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp 4, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt
13. Lê Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
14. Huỳnh Thị Quế T, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố 5, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
15. Lê Ngọc D, sinh năm 1969; địa chỉ: KP7, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
16. Lê Thị U, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt
17. Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp 6, xã A L, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
18. Nguyễn Văn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
19. Thạch Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 4, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
20. Lâm Hoàng T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
21. Nguyễn Thanh N, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
22. Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu phố 1, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
23. Trương Hoài T, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 3, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt
24. Nguyễn Thị P1, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 1, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
25. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố 1, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
26. Quách Thị Mai T, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố 9, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
27. Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố 1, t t P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

28. Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 417, tổ 1, ấp K N, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt
29. Phạm Thị Thuý K, sinh năm: 1983; địa chỉ: Ấp 2, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt
30. Trương Hoài Y, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 3, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt
31. Võ Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp 4, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
32. Lê Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp 4, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
33. Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B R, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
34. Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
35. Trần Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
36. Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
37. Hà Xuân T, sinh năm 1997. địa chỉ: 8/69, N C H, phường L S, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2018, Nguyễn Đăng N mang theo 70.000.000 đồng đến huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để cho người dân vay tiền với lãi suất cao, N in nhiều tờ rơi nội dung “Cho vay trả góp, tiện lợi, nhanh chóng, bảo mật thông tin khách hàng, LH: 0938.013.596” và phát tờ rơi tại khu vực đông dân cư để người dân dễ liên hệ. Người vay tiền chỉ cần phô tô chứng minh nhân dân, hộ khẩu thường trú, cho N biết nhà, cung cấp số điện thoại cho N để N liên lạc thu tiền gốc và lãi hàng ngày. Ngày 16/6/2018, Hà Văn T vào làm thuê cho N, N hướng dẫn T cách thu tiền gốc, chỉ tên địa chỉ của người vay, cùng với N cho vay, thu tiền gốc. Tính đến ngày 11/7/2018, T đã trực tiếp thu tiền gốc của khoảng 12 người.

Ngày 11/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tố giác hành vi của N. Cơ quan điều tra mời N làm việc, N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Đăng N cho người dân vay tiền với mức lãi suất là 1%/ngày, tương đương 365%/ năm, cao gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể: Nếu vay số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng gồm tiền gốc là 400.000 đồng/ngày và tiền lãi là 100.000 đồng/ngày. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả trong vòng 25 ngày là số tiền 12.500.000 đồng. Ngoài ra, N thu tiền phí dịch vụ là 10% của số tiền vay cho lần vay đầu tiên, 7% lần vay thứ hai, 5% cho những lần vay tiếp theo trên số tiền vay, số tiền còn lại N đưa cho người vay. Khi đưa tiền cho người vay, N thu trước 01 ngày hoặc 02 ngày, số tiền còn lại người vay phải trả trong thời gian 23 hoặc 24 ngày tiếp theo, mỗi ngày 500.000 đồng. Như vậy, N cho vay 10.000.000 đồng, trong

thời gian 25 ngày thu lợi số tiền 3.500.000 đồng (gồm phí dịch vụ 1.000.000 đồng, lãi 2.500.000 đồng) cho lần vay đầu tiên, 3.200.000 đồng (phí 700.000 đồng, lãi 2.500.000 đồng) cho lần vay thứ hai, 3.000.000 đồng (phí 500.000 đồng, lãi 2.500.000 đồng) cho lần thứ ba.

Từ đầu tháng 3 năm 2018 đến ngày 15/7/2018, Lê Đăng N cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo vay tổng số tiền là 622.000.000 đồng. Trong đó, N đã thu được số tiền 541.760.000 đồng tiền gốc, thu lợi bất chính tổng số tiền 173.640.000 đồng gồm 135.440.000 đồng tiền lãi và 38.200.000 đồng phí dịch vụ. Còn lại tổng số tiền gốc là 80.240.000 đồng N chưa thu được. Cụ thể, N cho những người sau vay:

01. Nguyễn Thị T vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 4 năm 2018, đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 3.350.000 đồng gồm 850.000 đồng phí dịch vụ, 2.500.000 đồng tiền lãi.

02. Huỳnh Thị N vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 24/6/2018, đã trả tiền gốc là 2.600.000 đồng, nợ gốc là 2.400.000 đồng. N thu lợi số tiền 1.150.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 650.000 đồng tiền lãi.

03. Phan Thị B vay 03 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 6.800.000 đồng, nợ gốc là 3.200.000 đồng. N thu lợi số tiền 2.700.000 đồng gồm 1.000.000 đồng phí dịch vụ, 1.700.000 đồng tiền lãi.

04. Nguyễn Thị S vay 03 dây tiền, dây thứ nhất vay 04 lần tổng số tiền 60.000.000 đồng, dây thứ hai vay 04 lần tổng số tiền 40.000.000 đồng, dây thứ ba vay 03 lần tổng số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 130.000.000 đồng trong thời gian từ khoảng giữa tháng 4 năm 2018 đến ngày 04/7/2018, đã trả tiền gốc là 130.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 41.700.000 đồng gồm 9.200.000 đồng phí dịch vụ, 32.500.000 đồng tiền lãi.

05. Lê Thị A vay 05 lần tổng số tiền 22.000.000 đồng vào tháng 3 và tháng 4 năm 2018, đã trả tiền gốc là 15.000.000 đồng, nợ gốc là 7.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 5.400.000 đồng gồm 1.650.000 đồng phí dịch vụ, 3.750.000 đồng tiền lãi.

06. Dương Ngọc T (Gái trắng) vay 04 lần tổng số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ cuối tháng 4 năm 2018 đến ngày 09/6/2018, đã trả tiền gốc là 16.600.000 đồng, nợ gốc là 3.400.000 đồng. N thu lợi số tiền 6.150.000 đồng gồm 2.000.000 đồng phí dịch vụ, 4.150.000 đồng tiền lãi.

07. Nguyễn Thị K vay 04 lần tổng số tiền 16.000.000 đồng vào tháng 5 và tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 14.400.000 đồng nợ gốc là 1.600.000 đồng. N thu lợi số tiền 4.680.000 đồng gồm 1.080.000 đồng phí dịch vụ, 3.600.000 đồng tiền lãi.

08. Quách Thị Mai A vay 5.000.000 đồng vào tháng 3 năm 2018, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 1.750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 1.250.000 đồng tiền lãi.

09. Nguyễn Thị Ngọc L vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 6 và tháng 7 năm 2018, đã trả tiền gốc là 6.600.000 đồng, nợ gốc 3.400.000 đồng. N thu lợi số tiền 2.650.000 đồng gồm 1.000.000 đồng phí dịch vụ, 1.650.000 đồng tiền lãi.

10. Lê Thị Kim L vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 7.200.000 đồng, nợ gốc là 2.800.000 đồng. N thu lợi số tiền 2.650.000 đồng gồm 850.000 đồng phí dịch vụ, 1.800.000 đồng tiền lãi.

11. Đồng Thị P vay 03 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 13.400.000 đồng, nợ gốc là 1.600.000 đồng, N thu lợi số tiền 4.450.000 đồng gồm 1.100.000 đồng phí dịch vụ, 3.350.000 đồng tiền lãi.

12. Nguyễn Thị Minh H vay 04 lần tổng số tiền 20.000.000 đồng vào tháng 5, 6 và tháng 7 năm 2018, đã trả tiền gốc là 15.600.000 đồng, nợ gốc là 4.400.000 đồng. N thu lợi số tiền 5.250.000 đồng gồm 1.350.000 đồng phí dịch vụ, 3.900.000 đồng tiền lãi.

13. Lê Thị L vay 08 lần tổng số tiền 45.000.000 đồng trong thời gian từ tháng cuối tháng 2 năm 2018 đến giữa tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 35.400.000 đồng, nợ gốc là 9.600.000 đồng. N thu lợi số tiền 11.700.000 đồng gồm 2.850.000 đồng phí dịch vụ, 8.850.000 đồng tiền lãi.

14. Huỳnh Thị Quế T vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 4 năm 2018, đã trả tiền gốc là 8.400.000 đồng, nợ gốc là 1.600.000 đồng. N thu lợi số tiền 2.950.000 đồng gồm 850.000 đồng phí dịch vụ, 2.100.000 đồng tiền lãi.

15. Lê Ngọc D (Gái) vay 04 lần tổng số tiền 20.000.000 đồng vào tháng 5 và tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 18.000.000 đồng, nợ gốc là 2.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 5.850.000 đồng gồm 1.350.000 đồng phí dịch vụ, 4.500.000 đồng tiền lãi.

16. Lê Thị U vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 6 và tháng 7 năm 2018, đã trả tiền gốc là 6.800.000 đồng, nợ gốc là 3.200.000 đồng. N thu lợi số tiền 2.550.000 đồng gồm 850.000 đồng phí dịch vụ, 1.700.000 đồng tiền lãi.

17. Lê Thị Ngọc S vay 04 lần tổng số tiền là 16.000.000 đồng vào tháng 5 và tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 14.240.000 đồng, nợ gốc là 1.760.000 đồng. N thu lợi số tiền 4.660.000 đồng gồm 1.100.000 đồng phí dịch vụ, 3.560.000 đồng tiền lãi.

18. Nguyễn Văn S vay 9.000.000 đồng trong thời gian tháng 7 năm 2018, đã trả tiền gốc là 1.440.000 đồng, nợ gốc là 7.560.000 đồng. N thu lợi số tiền 1.260.000 đồng gồm 900.000 đồng phí dịch vụ, 360.000 đồng tiền lãi.

19. Thạch Thị N vay 03 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 17/5/2018 đến ngày 07/7/2018, đã trả tiền gốc là 15.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 4.850.000 đồng gồm 1.100.000 đồng phí dịch vụ, 3.750.000 đồng tiền lãi.

20. Lâm Hoàng T vay số tiền 5.000.000 đồng vào giữa tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 2.000.000 đồng, nợ gốc là 3.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 1.000.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 500.000 đồng tiền lãi.

21. Nguyễn Thanh N vay số tiền 5.000.000 đồng vào giữa tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 1.750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 1.250.000 đồng tiền lãi.

22. Nguyễn Thị P vay 45.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 42.000.000 đồng, nợ gốc là 3.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 13.100.000 đồng gồm 2.600.000 đồng phí dịch vụ, 10.500.000 đồng tiền lãi.

23. Trương Hoài T vay 5.000.000 đồng vào ngày 20/6/2018, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 1.750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 1.250.000 đồng tiền lãi.

24. Nguyễn Thị P1 vay 5.000.000 đồng vào khoảng giữa tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 3.600.000 đồng, nợ gốc là 1.400.000 đồng. N thu lợi số tiền 1.400.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 900.000 đồng tiền lãi.

25. Nguyễn Ngọc L vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 26/6/2018, đã trả tiền gốc là 1.000.000 đồng, nợ gốc là 4.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 250.000 đồng tiền lãi.

26. Quách Thị Mai T vay số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 3 năm 2018, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 1.750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 1.250.000 đồng tiền lãi.

27. Lê Thị Ngọc D vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 8.200.000 đồng, nợ gốc là 1.800.000 đồng. N thu lợi số tiền 2.900.000 đồng gồm 850.000 đồng phí dịch vụ, 2.050.000 đồng tiền lãi.

28. Nguyễn Thị L vay số tiền 5.000.000 đồng vào đầu tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 1.750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 1.250.000 đồng tiền lãi.

29. Phạm Thị Thúy K vay số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 3 năm 2018, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 1.750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 1.250.000 đồng tiền lãi.

30. Trương Hoài Y vay số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 4 năm 2018, đã trả tiền gốc là 5.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 1.750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 1.250.000 đồng tiền lãi.

31. Võ Thị N vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 06/7/2018, đã trả tiền gốc là 1.000.000 đồng, nợ gốc là 4.000.000 đồng. N thu lợi số tiền 750.000 đồng gồm 500.000 đồng phí dịch vụ, 250.000 đồng tiền lãi.

32. Lê Thị B vay 03 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 10/4/2018 đến ngày 13/5/2018, đã trả tiền gốc là 15.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 4.750.000 đồng gồm 1.000.000 đồng phí dịch vụ, 3.750.000 đồng tiền lãi.

33. Nguyễn Thị G vay 03 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 15.000.000 đồng, N thu lợi số tiền 4.850.000 đồng gồm 1.100.000 đồng phí dịch vụ, 3.750.000 đồng tiền lãi.

34. Lâm Thị Ngọc H vay 03 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ đầu tháng 5 năm 2018 đến giữa tháng 6 năm 2018, đã trả tiền gốc là 14.400.000 đồng, nợ gốc là 600.000 đồng. N thu lợi số tiền 4.700.000 đồng gồm 1.100.000 đồng phí dịch vụ, 3.600.000 đồng tiền lãi.

35. Trần Thị T vay 10 lần tổng số tiền 49.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 44.680.000 đồng, nợ gốc 4.320.000 đồng. N thu lợi số tiền 14.320.000 đồng gồm 3.150.000 đồng phí dịch vụ, 11.170.000 đồng tiền lãi

36. Trần Thị Cẩm L vay 25.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 22.400.000 đồng, nợ gốc là 2.600.000 đồng. N thu lợi số tiền 7.200.000 đồng (phí 1.600.000 đồng, lãi 5.600.000 đồng).

Quá trình điều tra Công an huyện Phú Giáo thu giữ của bị cáo :

- 01 xe mô tô biển số 61D1-501.49, số khung C6HOEI064241, số máy 5C6H-064250; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng số thuê bao 0937.124.878, (số imei 352026074895417). Số tiền 12.920.000 đồng.

- 70 car bằng giấy màu vàng (tờ rơi) ghi tên Triệu Quốc P, số điện thoại 0938.013.596

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung G318HZ màu trắng bị hư hỏng (số imei 352465/07/301512/4)

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J105B màu trắng bị hư hỏng (số imei 356707/07/379647/6).

- 01 máy tính hiệu casio AX-120B12DIGITS

Tại bản Cáo trạng số 71/CT-VKSPG ngày 07/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố của Cáo trạng, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội, xử lý vật chứng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng N phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng N từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc 541.760.000 đồng tiền gốc và 181.920.000 đồng tiền lãi và tiền phí thu (tiền lãi 135.440.000 đồng, tiền phí thu 46.480.000 đồng).

Số tiền 80.240.000 đồng là tiền gốc mà người đi vay chưa trả cho N nhưng là tiền N dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

01 xe mô tô biển số 61D1-501.49, đây là xe do Nguyễn Đăng N mua của ông Nguyễn Văn Q nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng số thuê bao 0937.124.878, số tiền 12.920.000 đồng, 01 máy tính hiệu casio. Đây là công cụ, phương tiện N sử dụng vào việc phạm tội và tiền thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

70 car bằng giấy màu vàng (tờ rơi) ghi tên Triệu Quốc P, số điện thoại 0938.013.596 do N sử dụng để phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động hiệu Samsung G318HZ màu trắng bị hư hỏng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J105B màu trắng bị hư hỏng là tài sản của N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho N.

Đối với Hà Văn T làm thuê cho Nguyễn Đăng N nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Trường, Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Phản tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với tội danh, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Trong lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Giáo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Khoảng tháng 3 năm 2018, Nguyễn Đăng N cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vay tiền, gồm Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị N, Phan Thị B, Nguyễn Thị S, Lê Thị A, Dương Ngọc T, Nguyễn Thị K, Quách Thị Mai A, Nguyễn Thị Ngọc L, Lê Thị Kim L, Đồng Thị P, Nguyễn Thị Minh H, Lê Thị L, Huỳnh Thị Quế T, Lê Ngọc D, Lê Thị U, Lê Thị Ngọc S, Nguyễn Văn S, Thạch Thị N, Lâm Hoàng T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị P, Trương Hoài T, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Ngọc L, Quách Thị Mai T, Lê Thị Ngọc D, Nguyễn Thị L, Phạm Thị Thúy K, Trương Hoài Y, Võ Thị N, Lê Thị B, Nguyễn Thị G, Lâm Thị Ngọc H, Trần Thị T, Trần Thị Cẩm L vay tổng số tiền 622.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 181.920.000 đồng (tiền lãi 135.440.000 đồng, tiền phí thu 46.480.000 đồng) với mức lãi suất gấp 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Còn lại tổng số tiền gốc là 80.240.000 đồng (tám mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) N chưa thu được.

Cách thức cho vay cụ thể như sau:

Nếu vay số tiền 10.000.000 đồng, người vay phải trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng gồm tiền gốc là 400.000 đồng/ngày và tiền lãi là 100.000 đồng/ngày. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả trong vòng 25 ngày là số tiền 12.500.000 đồng. Ngoài ra, N thu tiền phí dịch vụ là 10% của số tiền vay cho lần vay đầu tiên, 7% lần vay thứ hai, 5% cho những lần vay tiếp theo trên số tiền vay, số tiền còn lại N đưa cho người vay. Khi đưa tiền cho người vay, N thu trước 01 ngày hoặc 02 ngày, số tiền còn lại người vay phải trả trong thời gian 23 hoặc 24 ngày tiếp theo, mỗi ngày 500.000 đồng. Như vậy, N cho vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày thu lợi số tiền 3.500.000 đồng (gồm phí dịch vụ 1.000.000 đồng, lãi 2.500.000 đồng) cho lần vay đầu tiên, 3.200.000 đồng (phí 700.000 đồng, lãi 2.500.000 đồng) cho lần vay thứ hai, 3.000.000 đồng (phí 500.000 đồng, lãi 2.500.000 đồng) cho lần thứ ba.

Với phương thức cho vay như trên, Nguyễn Đăng N đã cho vay với mức lãi suất cao hơn 10 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận: Nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo công bố tại phiên tòa không khác so với Cáo trạng mà bị cáo đã nhận và phù hợp với diễn biến sự việc, hành vi của bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, N vụ liên quan cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, bị cáo biết được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho vay với lãi suất cao hơn 10 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân mà còn làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo cho vay đối với nhiều người, thu lợi bất chính hơn một trăm triệu đồng. Đây là tình tiết định khung của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017

Với các tình tiết của vụ án được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đăng N đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Xét động cơ, mục đích phạm tội vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lười lao động, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả, gia đình bị cáo có công cách mạng và cha bị cáo hiện đang thờ cúng liệt sỹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét thấy, bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân của bị cáo: Bị Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích, từ năm 2010 đến nay bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các N vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Ngoài ra, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh

hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo, khuyến khích bị cáo tự tu dưỡng và lao động tại cộng đồng với sự giúp đỡ của gia đình và xã hội.

Đối với Hà Văn T làm thuê cho Nguyễn Đăng N nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với T, Viện kiểm sát không đặt ra xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền gốc cho vay mà bị cáo Nguyễn Đăng N đã thu được là 541.760.000 đồng và số tiền lãi, phí đã thu được là 181.920.000 đồng (tiền lãi 135.440.000 đồng, tiền phí thu 46.480.000 đồng) với mức lãi suất gấp 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét thấy, đây là tiền mà bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo Nguyễn Đăng N giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 80.240.000 đồng là tiền gốc mà người đi vay chưa trả cho N nhưng đây là tiền N dùng vào việc phạm tội nên cần buộc người đi vay giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô biển số 61D1-501.49, đây là xe do Nguyễn Đăng N mua của ông Nguyễn Văn Q nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng số thuê bao 0937.124.878, số tiền 12.920.000 đồng; 01 máy tính hiệu casio AX-120B12DIGITS. Đây là công cụ, phương tiện N sử dụng vào việc phạm tội và tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 70 car bằng giấy màu vàng (tờ rơi) ghi tên Triệu Quốc P, số điện thoại 0938.013.596 do N sử dụng để phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung G318HZ màu trắng bị hư hỏng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J105B màu trắng bị hư hỏng là tài sản của N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho N.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, và các tình tiết khác đối với bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về phần hình phạt Viện kiểm sát đề nghị mức án cao so với tính chất mức độ hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét ý kiến tranh luận của bị cáo, lời nói sau cùng của bị cáo: Ý kiến, lời nói sau cùng của bị cáo về tội danh, về hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

II. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng N 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T Đ, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

III. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đăng N nộp số tiền 723.680.000đ (trong đó: Tiền cho vay đã thu được là 541.760.000 đồng, tiền lãi 135.440.000 đồng, tiền phí thu 46.480.000 đồng). Được khấu trừ số tiền nộp khắc phục hậu quả là 40.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (biên lai thu tiền số 06928 ngày 28/11/2018). Bị cáo còn phải nộp tiếp là 683.680.000đ (sáu trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo Nguyễn Đăng N để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể như sau:

1. Huỳnh Thị N phải nộp số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng);
2. Phan Thị B phải nộp số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng);
3. Lê Thị A phải nộp số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
4. Dương Ngọc T phải nộp số tiền 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng);
5. Nguyễn Thị K phải nộp số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng);
6. Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp số tiền 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng);
7. Lê Thị Kim L phải nộp số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng);
8. Đồng Thị P phải nộp số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng);
9. Nguyễn Thị Minh H phải nộp số tiền 4.400.000đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng);
10. Lê Thị L phải nộp số tiền 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng);
11. Huỳnh Thị Quế T phải nộp số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng);
12. Lê Ngọc D phải nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
13. Lê Thị U phải nộp số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng);
14. Lê Thị Ngọc S phải nộp số tiền 1.760.000đ (một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng);

15. Nguyễn Văn S phải nộp số tiền 7.560.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng);
16. Lâm Hoàng T phải nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng);
17. Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng);
18. Nguyễn Thị P1 phải nộp số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng);
19. Nguyễn Ngọc L phải nộp số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
20. Lê Thị Ngọc D phải nộp số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng);
21. Võ Thị N phải nộp số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
22. Lâm Thị Ngọc H phải nộp số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng);
23. Trần Thị T phải nộp số tiền 4.320.000đ (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng);
24. Trần Thị Cẩm L phải nộp số tiền 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 61D1-501.49; 01 xe mô tô biển số 61D1-501.49, số khung C6HOEI064241, số máy 5C6H-064250; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng số thuê bao 0937.124.878, (số imei 352026074895417); số tiền 12.920.000đ (mười hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng); 01 máy tính hiệu casio AX-120B12DIGITS.

- Tịch thu tiêu huỷ: 70 car bằng giấy màu vàng (tờ rơi) ghi tên Triệu Quốc P, ghi số điện thoại 0938.013.596 do N sử dụng để phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng N: 01 điện thoại di động hiệu Samsung G318HZ màu trắng bị hư hỏng (số imei 352465/07/301512/4), 01 điện thoại di động hiệu Samsung J105B màu trắng bị hư hỏng (số imei 356707/07/379647/6).

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Giáo và giấy nộp vào tài khoản ngày 08/11/2018).

IV. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đăng N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

V. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND phường T.Đ, TX. Đồng Xoài
Tỉnh Bình Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Hiền**